

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN ĐƯỚC
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/LĐ-ST
Ngày: 22-8-2024
V/v tranh chấp vô hiệu hợp đồng
lao động, điều chỉnh tên trên
sổ Bảo hiểm xã hội

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Văn Thành
- Bà Trịnh Thị Kim Quyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lệ Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đước tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Chí Hiếu - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2024/TLST-LĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp vô hiệu hợp đồng lao động, điều chỉnh tên trên sổ Bảo hiểm xã hội theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-LĐ ngày 17 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2024/QĐST-LĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1989 (có mặt);

Địa chỉ: Số E, ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH M (vắng mặt);

Địa chỉ trụ sở: Ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

3. *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Trần Thị Mai T1, sinh năm: 1993 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Đ, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

3.2. Bảo hiểm xã hội huyện C (vắng mặt).

Địa chỉ trụ sở: Khu A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Hồng D - Giám đốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/5/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Do bản thân không am hiểu về pháp luật và muốn giúp đỡ bà Trần Thị Mai T1 đi làm để tạo thu nhập lo cho gia đình nên bà cho bà Trần Thị Mai T1 mượn giấy chứng minh nhân dân (viết tắt CMND) để bà T1 đi làm tại Công ty TNHH M tại địa chỉ ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Long An từ tháng 12/2010 đến tháng 01/2012 (vì tại thời điểm 2010 bà T1 chưa đủ tuổi giao kết hợp đồng lao động). Khi làm việc tại Công ty TNHH M, bà T1 tham gia bảo hiểm với số sổ bảo hiểm 8011090018 mang tên Nguyễn Thị T.

Trong thời gian cho mượn CMND thì từ tháng 07/2008 đến tháng 9/2023 bà cũng làm công nhân ở công ty TNHH P, tại địa chỉ phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và có tham gia bảo hiểm với số bảo hiểm: 7908300257.

Việc bà cho bà T1 mượn CMND là không đúng quy định pháp luật vì người thực hiện hợp đồng lao động với Công ty TNHH M không phải do bà thực hiện. Hiện nay tồn tại hai số sổ bảo hiểm là 8011090018 và 908300257 cùng mang tên Nguyễn Thị T nên bà không thể thực hiện việc chốt sổ bảo hiểm được. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Trần Thị Mai T1 (tên trên hợp đồng lao động là Nguyễn Thị T) với Công ty TNHH M từ tháng 12/2010 đến tháng 01/2012.

2. Yêu cầu điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội (viết tắt BHXH) mã số 8011090018 cấp cho bà Nguyễn Thị T do Công ty TNHH M nộp từ tháng 12/2010 đến tháng 01/2012 tại Bảo hiểm xã hội huyện C, tỉnh Long An thành tên Trần Thị Mai T1 để bà T được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Nguyễn Thị T với công ty TNHH P.

Tòa án tiến hành lập thủ tục thông báo về việc thụ lý vụ án và phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn Công ty TNHH M vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Mai T1 trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Vào khoảng năm 2010, bà T1 có mượn CMND của bà Nguyễn Thị T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH M địa chỉ tại ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Long An. Bà T1 làm việc tại Công ty TNHH M trong khoảng thời gian từ tháng 12/2010 đến tháng 01/2012 và có tham gia BHXH huyện C. Bà T1 được cấp Sổ BHXH mã số 8011090018. Từ khi nghỉ việc cho đến nay bà T1 chưa được hưởng đầy đủ các chế độ BHXH trong thời gian làm việc từ tháng

12/2010 đến tháng 01/2012 tại Công ty TNHH M dưới tên là Nguyễn Thị T. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T:

Bà đồng ý việc bà Nguyễn Thị T yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà (tên trên hợp đồng lao động là Nguyễn Thị T) với Công ty TNHH M trong thời gian từ 12/2010 đến tháng 01/2012.

Thông nhất với việc bà T yêu cầu điều chỉnh sổ BHXH số 8011090018 do BHXH huyện C, tỉnh Long An cấp từ tên Nguyễn Thị T thành tên Trần Thị Mai T1 để bà T1 được hưởng các chế độ bảo hiểm sau khi nghỉ việc.

Do bận công việc nên bà T1 yêu cầu vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội huyện C, tỉnh Long An do bà Trần Thị Hồng D đại diện trình bày:

Qua yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, Bảo hiểm xã hội huyện C, cung cấp thông tin quá trình đóng BHXH của bà Nguyễn Thị T làm việc tại Công ty TNHH M như sau: mã số BHXH số 8011090018; đóng BHXH, BHTN từ 12/2010 đến tháng 01/2012 là 01 năm 02 tháng và chưa hưởng chế độ BHXH, BHTN. Bảo hiểm xã hội huyện C, tỉnh Long An đề nghị được vắng mặt phiên xét xử vụ án và đề nghị Tòa án xét xử theo luật định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án ở cấp sơ thẩm cho đến thời điểm hiện tại thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân theo pháp luật tố tụng và các đương sự chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung: Tháng 12/2010, chị Trần Thị Mai T1 sử dụng giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị T để ký HĐLĐ với Công ty TNHH M, thời gian làm việc từ tháng 12/2010 đến tháng 01/2012. Việc này được chị Nguyễn Thị T thừa nhận. Như vậy có đủ cơ sở để xác định trong thời gian từ tháng 12/2010 đến tháng 01/2012 người trực tiếp ký hợp đồng lao động và vào làm việc tại Công ty TNHH M là chị Trần Thị Mai T1, không phải chị Nguyễn Thị T. Việc chị T1 sử dụng chứng minh nhân dân, thông tin của chị T để giao kết hợp đồng lao động với công ty TNHH M là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994. Do đó việc Nguyễn Thị T yêu cầu tuyên hợp đồng lao động giữa chị Nguyễn Thị T (do chị Trần Thị Mai T1) giao kết với công ty TNHH M vô hiệu là có căn cứ.

Do chị Trần Thị Mai T1 là người trực tiếp lao động và được Công ty M đóng BHXH bắt buộc và BHTN nên chị T yêu cầu điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội số 8011090018 sang tên chị T1 là có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T khởi kiện: “Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội” với bị đơn Công ty TNHH M. Bị đơn có địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Long An. Căn cứ vào Điều 32, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[2]. Bị đơn Công ty TNHH M đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia vụ án nhưng đều vắng mặt. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Mai T1 và Bảo hiểm xã hội huyện C, tỉnh Long An có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[3]. Về thời hiệu khởi kiện: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện Công ty TNHH M vì cho rằng quyền lợi bị xâm phạm do hợp đồng giả tạo nên bà T có quyền khởi kiện theo quy định Điều 190 Bộ luật lao động và Điều 184, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về nội dung:

[4.1]. Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Trần Thị Mai T1 (tên trên hợp đồng lao động là Nguyễn Thị T) là người trực tiếp lao động với Công ty TNHH M. Tuy nhiên các đương sự không cung cấp được hợp đồng lao động. Căn cứ vào Bảo hiểm xã hội huyện C xác định cung cấp thông tin quá trình đóng BHXH của bà Nguyễn Thị T làm việc tại Công ty TNHH M như sau: mã số BHXH số 8011090018; đóng BHXH, BHTN từ 12/2010 đến tháng 01/2012 là 01 năm 02 tháng và chưa hưởng chế độ BHXH, BHTN. Như vậy theo xác nhận của BHXH huyện C thì thực tế có hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị T với Công ty TNHH M trong thời gian từ 12/2010 đến tháng 01/2012. Xét thấy, bà Nguyễn Thị T và bà Trần Thị Mai T1 đều thừa nhận do chưa đủ tuổi giao kết hợp đồng lao động nên bà T1 đã mượn CMND mang tên Nguyễn Thị T để xác lập hợp đồng lao động và tham gia đóng BHXH từ 12/2010 đến tháng 01/2012 tại Công ty TNHH M theo sổ BHXH số 8011090018. Trong thời gian cho mượn CMND bà Nguyễn Thị T cũng tham gia lao động tại Công Ty TNHH P1 và tham gia với số bảo hiểm 7908300257 từ tháng 07/2008 đến tháng 9/2023. Như vậy có căn cứ xác định trong cùng một khoảng thời gian thì người mang tên Nguyễn Thị T cùng lúc tham gia bảo hiểm xã hội tại hai Công ty là Công ty TNHH M và Công Ty TNHH P.

Do đối tượng trực tiếp lao động trong giai đoạn từ tháng 12/2010 đến tháng 01/2012 tại Công ty TNHH M là bà Trần Thị Mai T1 không phải là bà Nguyễn Thị T. Đây là hợp đồng giả tạo ngay từ khi xác lập quan hệ lao động, có cơ sở xác định hợp đồng giữa người lao động thực tế bà Trần Thị Mai T1 với Công ty TNHH M là không có hiệu lực. Bà T yêu cầu Tòa án vô hiệu hợp đồng

lao động giữa bà T1 (tên trên hợp đồng lao động là Nguyễn Thị T) với Công ty TNHH M trong thời gian từ 12/2010 đến tháng 01/2012 là có căn cứ chấp nhận.

[4.2]. Đối với yêu cầu điều chỉnh tên trên sổ BHXH xét thấy: Việc bà T cho bà T1 mượn CMND để đi làm tại Công ty TNHH M là vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007), vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ Luật Lao động, vi phạm các hành vi bị cấm như gian lận, giả mạo hồ sơ trong việc thực hiện BHXH, BHTN theo quy định tại khoản 4 Điều 17 của Luật BHXH số 58/2014/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2014 do đó việc điều chỉnh sổ BHXH 88011090018 cấp cho bà Nguyễn Thị T do Công ty TNHH M nộp từ tháng 12/2010 đến tháng 01/2012 tại Bảo hiểm xã hội huyện C, tỉnh Long An thành tên Trần Thị Mai T1 là có căn cứ chấp nhận.

[5]. Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử, nên có căn cứ chấp nhận.

[6]. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án: Ghi nhận bà Nguyễn Thị T tự nguyện chịu án phí lao động sơ thẩm.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007); Căn cứ Điều 13, Điều 15; Điều 18, Điều 49, Điều 50, Điều 51 và Điều 190 Bộ Luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc: “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh tên trên sổ Bảo hiểm xã hội*” với Công ty TNHH M.

[1.1]. Tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Trần Thị Mai T1 (nhưng trên hợp đồng lao động ghi tên bà Nguyễn Thị T) với Công ty TNHH M trong khoảng thời gian từ 12/2010 đến tháng 01/2012.

[1.2]. Điều chỉnh sổ BHXH mã số 88011090018 cấp cho bà Nguyễn Thị T do Công ty TNHH M nộp từ tháng 12/2010 đến tháng 01/2012 tại Bảo hiểm xã hội huyện C, tỉnh Long An thành tên Trần Thị Mai T1.

[2]. Bà Nguyễn Thị T được hưởng các chế độ BHXH theo hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Nguyễn Thị T với Công Ty TNHH P1

[3]. Bà Trần Thị Mai T1 được hưởng các chế độ BHXH theo hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Trần Thị Mai T1 với Công ty TNHH M theo số BHXH mã số 88011090018 đã được điều chỉnh.

[4]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T tự nguyện nộp 300.000 đồng án phí lao động sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0010557 ngày 06/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đức.

[5]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

[6]. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Đức;
- Chi cục THADS Cần Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thanh Nhung